

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B M
TỈNH V L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:06/2021/DS-ST

Ngày: 26/3/2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B M, TỈNH V L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà N T L T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông S M

2. Bà N T K L

- *Thư ký phiên tòa:* Bà B T H T – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã B M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B M: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B M xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 178/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐST - DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST- DS, ngày 10 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T.

Địa chỉ trụ sở: 266 - 268, đường N K K N, phường 8, Quận 3, thành phố H C M.

Đại diện theo pháp luật: Bà N Đ T D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông C H S – Giám đốc Ngân hàng TMCP S G T T – Chi nhánh V L.

Địa chỉ: 35B, đường 3/2, phường 01, thành phố V L, tỉnh V L.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Ông L L T – Phó phòng giao dịch B M - Chi nhánh V L – Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T (Theo văn bản ủy quyền số 238/2020/UQ-CNVL, ngày 08/12/2020) – Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh N D L, sinh năm 1991 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp M H 2, xã M H, thị xã B M, tỉnh V L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:* Ngày 17/12/2019, Ngân hàng TMCP S G T T ký với anh N D L hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của anh N D L, Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức là 15.000.000 đồng, số thẻ 356480 – 9922.

Thẻ tín dụng của anh N D L có thời hạn sử dụng là 05 năm. Lãi suất trong hạn áp dụng khi cấp thẻ là 2,6%/tháng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Khi phát sinh quá hạn, áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% (# 3,9%) lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng và tiến hành các biện pháp khởi kiện để thu hồi nợ vay theo quy định.

Quá trình giao dịch được thể hiện chi tiết trên bảng in sao kê, thứ tự thanh toán thẻ tín dụng căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh N D L không có thiện chí trả nợ. Do anh N D L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 22/5/2020 Ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 23/11/2020, anh N D L còn nợ Ngân hàng số tiền như sau:

- Nợ vay: 15.949.282 đồng;
- Lãi quá hạn: 3.835.790 đồng.

Tổng tiền lãi và tiền vốn là: 19.785.072 đồng.

Để đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng nên Ngân hàng TMCP S G T T khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã B M yêu cầu giải quyết các vấn đề như sau:

- Yêu cầu anh N D L trả cho Ngân hàng TMCP S G T T, tạm tính đến ngày 23/11/2020 với tổng số tiền vốn và tiền lãi là: 19.785.072 đồng. Cụ thể:

- + Nợ tiền vay: 15.949.282 đồng;
- + Nợ lãi quá hạn: 3.835.790 đồng.

- Yêu cầu anh N D L phải chịu lãi phát sinh món vay cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Yêu cầu anh N D L phải chịu toàn bộ án phí.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Ngân hàng TMCP S G T T trình bày: Yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã B M giải quyết các vấn đề sau:

- Yêu cầu anh N D L trả cho Ngân hàng TMCP S G T T, tính đến ngày 26/3/2021 với tổng số tiền vốn và tiền lãi là: 22.335.354 đồng. Cụ thể:

- + Nợ tiền vay: 15.949.282 đồng;
- + Nợ tiền lãi quá hạn: 6.386.072 đồng.

- Yêu cầu anh N D L phải chịu lãi phát sinh món vay cho đến khi thanh toán xong nợ.
- Yêu cầu anh N D L phải chịu toàn bộ án phí.
- Bị đơn anh N D L: Vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào các tài liệu của Hợp đồng tín dụng cụ thể như: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng mà anh N D L đã ký với Ngân hàng TMCP S G T T. Số thẻ tín dụng được cấp cho anh N D L là 356480 – 9922.

Xét tranh chấp giữa chủ thẻ là Ngân hàng TMCP S G T T với anh N D L là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại thị xã B M (theo xác nhận đề ngày 24/11/2020 của Công an xã M H), căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B M, tỉnh V L. Quá trình giải quyết vụ án anh L là bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa, bị đơn N D L vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết tất cả các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì việc vắng mặt của bị đơn là không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung: Ngày 17/12/2019, anh N D L có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP S G T T và được cấp thẻ tín dụng 356480 – 9922 với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng.

Do anh N D L vi phạm hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã B M giải quyết buộc anh N D L trả số tiền nợ vay là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với số tiền lãi, Ngân hàng TMCP S G T T yêu cầu tính lãi suất 3.9%/ tháng trên số tiền nợ gốc và quy định mức lãi suất này. Theo quy định tại khoản 2, điều 91, Luật tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Xét thấy, đây là mức lãi suất

theo sự thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất mà Ngân hàng TMCP S G T T yêu cầu anh N D L phải trả tính đến ngày 26/3/2021 là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngân hàng Ngân hàng TMCP S G T T yêu cầu anh Ng D L tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP S G T T là có căn cứ theo án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và Công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao để tính tiền lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S G T T số tiền tạm ứng án phí 495.000 đồng, theo Biên lai thu tiền số 0010634, ngày 25/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B M, tỉnh V L.

- Buộc anh N D L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 1.117.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 357, 401, 463, 465, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng.

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và Công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao để tính tiền lãi chậm trả.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S G T T.

Buộc anh N D L trả cho Ngân hàng TMCP S G T T số tiền gốc và lãi tính đến ngày 26/3/2021 là: 22.335.000 đồng (*Hai mươi hai triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) . Trong đó:

+ Nợ tiền vay là: 15.949.000 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn là: 6.386.000 đồng.

“ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc

điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S G T T số tiền tạm ứng án phí 495.000 đồng (*Bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) , theo Biên lai thu tiền số 0010634, ngày 25/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B M, tỉnh V L.

2.2. Buộc anh N D L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 1.117.000 đồng (*Một triệu một trăm mười bảy nghìn đồng*).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh V L: 01
- VKSND TX.B M: 01
- Chi cục THADS TX.B M: 01
- Đương sự: 05
- Lưu: 04

N T L T

